

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
về việc ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công  
sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 346 +347)

**PHỤ LỤC SỐ 73****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực  
về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất,  
phân phối và tiêu dùng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

---

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và

tiêu dùng”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, Chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### **3. Áp dụng định mức**

#### **3.1. Trường hợp tổ chức tập huấn:**

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức tập huấn bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức tập huấn được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình tập huấn tính. Tiêu chuẩn định mức là 02 ngày (mỗi ngày gồm 02 buổi) với quy mô là 100÷250 học viên tham gia.

Trường hợp tăng/giảm 01 buổi tập huấn, định mức lao động, định mức Máy tính xách tay được cộng/trừ với hệ số tăng/giảm là 1 công/ca.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: thuê tư vấn, mặt bằng, chuyên gia giảng dạy và các chi phí khác (nếu có).

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3.1, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

#### **3.2. Trường hợp tổ chức hội nghị, hội thảo:**

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hội nghị, hội thảo bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình hội nghị, hội thảo. Tiêu chuẩn tính định mức là 01 ngày (gồm 02 buổi) với quy mô là 100÷250 khách mời tham gia.

Trường hợp tăng/giảm 01 buổi hội nghị, hội thảo, định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng/trừ với hệ số tăng/giảm là 1 công/ca.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: Thuê hội trường; Khu vực đón tiếp đại biểu VIP (nếu có); Bàn, ghế phục vụ khách VIP (nếu có); Chi phí dàn

dụng, trang trí hội trường (Sân khấu, Bục phát biểu; Pano, phướn, Backdrop. Standy, biển chỉ dẫn, biển tên đại biểu, hoa tươi, cây cảnh); Màn LED, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hệ thống khung không gian treo thiết bị âm thanh, ánh sáng thiết bị họp trực tuyến (nếu có), hệ thống dịch (nếu có); giải khát giữa giờ; tài liệu đại biểu; giấy mời và phong bì gửi kèm; Thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có), phiên dịch (nếu có), dẫn chương trình (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; thuê chuyên gia và các chi phí thuê mua ngoài khác (nếu có).

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3.2, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng” thực hiện theo quy trình sau:

#### 1.1. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng
2.1	Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan đăng ký nhu cầu
2.2	Tổng hợp nhu cầu và lựa chọn các đơn vị tham gia tập huấn
2.3	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí tổ chức tập huấn (nếu có)
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng
Bước 4	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ tập huấn

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 5	Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ tập huấn
Bước 6	Chuẩn bị tổ chức tập huấn
6.1	Thuê chuyên gia giảng dạy (nếu có)
+	<i>Liên hệ mời chuyên gia</i>
+	<i>Xây dựng hợp đồng thuê chuyên gia tập huấn</i>
+	<i>Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia tập huấn</i>
+	<i>Kiểm soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia thuê ngoài</i>
6.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu chương trình tập huấn
6.3	Lập giấy mời và chương trình tập huấn kèm theo; Duyệt giấy mời
6.4	Lập và phê duyệt danh sách khách mời; Gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
6.5	Xây dựng nội dung backdrop, bang rôn, phướn, pano, standee; Giám sát công tác trang trí hội trường
6.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc lớp tập huấn
6.7	Kiểm tra công tác chuẩn bị và nhận bàn giao đối với đơn vị cung cấp dịch vụ
Bước 7	Tổ chức tập huấn
7.1	Đón tiếp học viên, giảng viên, khách mời
7.2	Tổ chức khai mạc
7.3	Thực hiện tập huấn theo chương trình
7.4	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường
Bước 8	Báo cáo kết quả thực hiện (nếu có)
Bước 9	Thanh quyết toán
9.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
9.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
9.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
9.4	Lưu hồ sơ

**1.2. Tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng**

STT	Thành phần công việc
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng
2.1	Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan đăng ký nhu cầu
2.2	Tổng hợp nhu cầu và lựa chọn các đơn vị tham gia hội nghị, hội thảo
2.3	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức hội nghị, hội thảo
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng
Bước 4	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ hội nghị, hội thảo
Bước 5	Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hội nghị, hội thảo
Bước 6	Chuẩn bị tổ chức hội nghị, hội thảo
6.1	Thuê chuyên gia trình bày (nếu có)
+	<i>Liên hệ mời chuyên gia</i>
+	<i>Xây dựng hợp đồng thuê chuyên gia hội nghị, hội thảo</i>
+	<i>Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia hội nghị, hội thảo</i>
+	<i>Kiểm soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia thuê ngoài</i>
6.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu chương trình hội nghị, hội thảo
6.3	Lập giấy mời và chương trình hội nghị, hội thảo kèm theo; Duyệt giấy mời
6.4	Lập danh sách khách mời và gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
6.5	Xây dựng nội dung backdrop, băng rôn, phướn, pano, standee; Giám sát công tác trang trí hội trường.
6.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc lớp hội nghị, hội thảo
6.7	Kiểm tra công tác chuẩn bị và nhận bàn giao đối với đơn vị cung cấp dịch vụ
Bước 7	Tổ chức hội nghị, hội thảo
7.1	Đón tiếp đại biểu, chuyên gia, khách mời
7.2	Tổ chức khai mạc
7.3	Thực hiện hội nghị, hội thảo theo chương trình

STT	Thành phần công việc
7.4	Giám sát công tác Tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường
Bước 8	Báo cáo kết quả thực hiện (nếu có)
Bước 9	Thanh quyết toán
9.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
9.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
9.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
9.4	Lưu hồ sơ

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về nội dung tập huấn, hội nghị, hội thảo	Phù hợp với nội dung tập huấn, hội nghị, hội thảo trong các chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung tập huấn, hội nghị, hội thảo trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng tham dự tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực	Đối chiếu với nội dung tập huấn, hội nghị, hội thảo trong kế hoạch đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
4	Tiêu chí về thực hiện tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo	Chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn giảng dạy/trình bày tại khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của chuyên gia
		Giấy mời/Giấy triệu tập học viên/đại biểu tham dự tập huấn, hội nghị, hội thảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt giấy mời/giấy triệu tập học viên/đại biểu
		Có xác nhận của học viên/đại biểu tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của học viên/đại biểu tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo
		Có xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng” như sau:

#### 1. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng

*Đơn vị tính: 1 chương trình*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>73.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên bậc 3/9	Công	30,9
	Chuyên viên bậc 5/9	Công	4,2
	Chuyên viên chính bậc 2/8	Công	2,9
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	34,2
	Máy tính xách tay	Ca	2,0

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Máy in A4	Ca	0,5
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	3
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,3
	Mực in đen	Hộp	0,3
	Phong bì khổ A4	Cái	300,0
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

**2. Tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng**

*Đơn vị tính: 1 chương trình*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>73.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên bậc 3/9	Công	29,8
	Chuyên viên bậc 5/9	Công	4,2
	Chuyên viên chính bậc 2/8	Công	2,9
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	25,8
	Máy tính xách tay	Ca	1,0
	Máy in	Ca	0,4
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	2
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,1
	Mực in	Hộp	0,3
	Phong bì khổ A4	Cái	250,0
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

**PHỤ LỤC SỐ 74**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế  
tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững, xúc tiến thương mại” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển

lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài được áp dụng đối với quy mô 01 sự kiện hội chợ triển lãm tiêu chuẩn tính định mức là 20 gian hàng (Gian hàng tiêu chuẩn kích thước 3m x 3m x 2,5m).

a) Trường hợp kích thước gian hàng thực tế khác kích thước gian hàng tiêu chuẩn thì số lượng gian hàng được xác định bằng cách quy đổi tương đương về gian hàng tiêu chuẩn có diện tích 9m<sup>2</sup>.

*Ví dụ: Khu trưng bày có diện tích 90m<sup>2</sup> sẽ tương đương 10 gian hàng tiêu chuẩn.*

b) Trường hợp tăng 05 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng là 1,05.

c) Trường hợp giảm 05 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm là 0,95.

d) Trường hợp số gian hàng tăng/giảm với bước nhảy khác 5, định mức (Vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng với số gian hàng B.

B: Số gian hàng cần xác định hệ số.

b<sub>1</sub>: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B.

b<sub>2</sub>: Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B.

a<sub>1</sub>: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b<sub>1</sub>.

a<sub>2</sub>: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b<sub>2</sub>.

### 3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

a) Chi phí gian hàng tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng như sau: diện tích là 9m<sup>2</sup> (3m x 3m), cao 2,5m; Khung gian hàng hợp kim nhôm; 02 đèn chiếu sáng led 60W; 01 ổ điện; Biển gian hàng khung sắt hộp in bạt hiflex; 01 bàn (gồm khăn trải bàn) và 02 ghế có váy quây; 01 sọt đựng rác; Hệ thống điều hòa làm mát (nếu có); Thảm trải sàn; Vách ngăn cadivi khung nhôm; Chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, PCCC, vận chuyển lắp đặt tháo dỡ.

b) Chi phí trang trí làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: in ấn 200 m<sup>2</sup> pano, phướn, băng rôn; 10 standy; 01 cổng; 180 m<sup>2</sup> thảm trải sàn; 10 chậu cây cảnh trang trí; các tiểu cảnh trang trí (nếu có); hệ thống bục kê: 10 chiếc; 01 Tivi; 01 khu vực giao thương (nếu có); các hội nghị, hội thảo giới thiệu, xúc tiến thương mại và các hoạt động kết nối giao thương tại hội chợ triển lãm (nếu có).

c) Chi phí tuyên truyền, quảng bá hội chợ triển lãm làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 200 cuốn kỷ yếu (nếu có), 500 tờ rơi thông tin chương trình; xây dựng 02 TVC quảng bá, phổ biến thông tin.

d) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng, vé máy bay, công tác phí, tiêu hủy vật tư và các chi phí khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững” thực hiện theo quy trình sau:

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Tiếp nhận thư mời của đơn vị tổ chức sự kiện
Bước 3	Làm việc với các đơn vị liên quan về: Mặt bằng, điện, nước, an ninh trật tự, bảo hiểm, vệ sinh, internet, dịch vụ chung, PCC và các nội dung khác (nếu có)
Bước 4	Xây dựng đề án đoàn tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững
4.1	Thu thập, nghiên cứu các tài liệu liên quan
4.2	Tìm hiểu về nhu cầu của doanh nghiệp
4.3	Lập đề án, tờ trình
Bước 5	Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt
Bước 6	Xây dựng kế hoạch tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững
6.1	Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu tham gia hội chợ triển lãm
6.2	Phân tích phương án tham gia hội chợ triển lãm
6.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết
6.4	Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu tham gia hội chợ triển lãm
Bước 7	Phê duyệt kế hoạch tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững
Bước 8	Xây dựng dự toán chi phí thiết kế và lập dự toán tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài (nếu có)
Bước 9	Phê duyệt dự toán chi phí thiết kế và lập dự toán tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài (nếu có)
Bước 10	Lựa chọn, duyệt đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 11	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài
11.1	Thiết kế (tổng thể, chi tiết) các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài
11.2	Phê duyệt thiết kế (tổng thể, chi tiết)
Bước 12	Nghiệm thu, thanh toán với đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 13	Trình, duyệt dự toán tổng thể tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài (nếu có)

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 14	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
14.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
14.2	Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
14.3	Phối hợp, cung cấp thông tin, nội dung quảng bá tuyên truyền
14.4	Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền
14.5	Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền
Bước 15	Mời, xác nhận các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
15.1	Xây dựng công văn/thư mời/phom mẫu, gửi cho các đơn vị đăng ký tham gia
15.2	Tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký tham gia
15.3	Duyệt danh sách các đơn vị tham gia
15.4	Rà soát, hướng dẫn các đơn vị được duyệt hoàn thiện hồ sơ tham gia hội chợ triển lãm
15.5	Sắp xếp vị trí gian hàng; thông báo vị trí gian hàng, nội quy tham gia hội chợ triển lãm cho các đơn vị tham gia
Bước 16	Trình phê duyệt danh sách đoàn công tác (nếu có)
Bước 17	Làm thủ tục hộ chiếu, visa cho đoàn công tác
17.1	Chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ liên quan
17.2	Nộp hồ sơ, giấy tờ cho các đơn vị liên quan cấp
Bước 18	Tổ chức đoàn tham gia hội chợ triển lãm
18.1	Lên kế hoạch chi tiết đoàn tham gia hội chợ triển lãm
18.2	Duyệt kế hoạch tham gia hội chợ triển lãm
18.3	Triển khai kế hoạch
Bước 19	Thi công dàn dựng các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm
19.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị thi công
19.2	Ký hợp đồng với đơn vị thi công
19.3	Giám sát công tác thi công dàn dựng theo thiết kế được phê duyệt
19.4	Duyệt công tác thi công các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm
Bước 20	Tham gia lễ khai mạc
Bước 21	Duy trì hỗ trợ các hoạt động hội chợ triển lãm
Bước 22	Kết thúc hội chợ triển lãm; Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, hủy vật tư, bàn giao mặt bằng

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 23	Thực hiện thủ tục thanh toán thuê dịch vụ (Mặt bằng, trang trí, thi công dàn dựng...)
Bước 24	Xây dựng báo cáo tổng kết công tác tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững (nếu có)
Bước 25	Phê duyệt báo cáo tổng kết công tác tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững (nếu có)
Bước 26	Thanh quyết toán
26.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị thi công, quảng bá, tuyên truyền
26.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
26.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
26.4	Lưu hồ sơ

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề về tổ chức hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài cho đối tượng thuộc chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
2	Tiêu chí đối với kế hoạch về tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung tham gia hội chợ triển lãm trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung tham gia hội chợ triển lãm trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về thiết kế các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm	Thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt thiết kế các hạng mục tham gia hội chợ triển lãm
4	Tiêu chí về quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm	Nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm cần phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		Hình thức quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm cần phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức:	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		+ Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh;	
		+ Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp;	
+ Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng internet khác).			

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
5	Tiêu chí về công tác tổ chức tham gia hội chợ triển lãm	Các hạng mục được thi công, dàn dựng phù hợp với thiết kế đã được phê duyệt	Đối chiếu với thiết kế đã được phê duyệt
		Đoàn công tác tham dự hội chợ triển lãm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt danh sách đoàn công tác của cấp có thẩm quyền
		Danh sách các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt danh sách các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
6	Tiêu chí về hồ sơ sản phẩm	Thành phần, số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu của nội dung tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm đã được phê duyệt.
		Hồ sơ của các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm đáp ứng các yêu cầu:	Đối chiếu với hồ sơ tham gia hội chợ triển lãm của các đơn vị tham gia hội chợ triển lãm
		+ Hồ sơ đăng ký tham gia (đơn đăng ký + đăng ký kinh doanh)	
		+ Hợp đồng tham gia hội chợ triển lãm	
		Sản phẩm quảng bá, tuyên truyền cần có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền:	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng quảng bá, tuyên truyền hội chợ triển lãm đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.
+ Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí;			
+ Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình;			

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		+ Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay: Được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững” như sau:

*Đơn vị tính: 1 sự kiện*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>74.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	11,7
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	12,35
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	157,95
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	133,25
	Máy tính xách tay	Ca	44,2
	Máy in	Ca	0,27
	Máy điện thoại di động	Ca	0,33
	Máy chiếu	Ca	1,3
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	2
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,1
	Mực in	hộp	0,16
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

**PHỤ LỤC SỐ 75**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh  
cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác tổ chức cho dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô là 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tương ứng với định mức tính là 30 doanh nghiệp (cơ sở).

a) Trường hợp tăng 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k= 1+(2 \times 0,025) = 1,05$ .*

b) Trường hợp giảm 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k= 1-(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ giảm 03 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k = 1-(3 \times 0,025) = 0,925$ .*

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” thực hiện theo quy trình sau

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Khảo sát, thu thập nội bộ dữ liệu về hiện trạng về mô hình kinh doanh tại các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng mô hình kinh doanh tại các doanh nghiệp
Bước 5	Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện triển khai mô hình kinh doanh xanh đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện triển khai mô hình kinh doanh xanh đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn
7.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
7.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
Bước 8	Làm việc với cơ sở được lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (qui mô sản xuất, hệ thống thiết bị...); Xây dựng và phê duyệt kế hoạch
Bước 9	Họp triển khai tại doanh nghiệp
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 12	Khảo sát quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, mô hình kinh doanh tại doanh nghiệp
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát tại cơ sở
Bước 15	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 16	Đánh giá chi tiết hiện trạng mô hình kinh doanh cho doanh nghiệp
Bước 17	Xác định các nội dung cần triển khai tại doanh nghiệp để triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp

<b>TT</b>	<b>Quy trình thực hiện dịch vụ</b>
Bước 18	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế các giải pháp để triển khai mô hình kinh doanh xanh phù hợp với hiện trạng của doanh nghiệp
Bước 19	Hợp thảo luận các giải pháp thực hiện, hướng dẫn các giải pháp thực hiện
Bước 20	Hướng dẫn doanh nghiệp triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp
Bước 21	Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp
Bước 22	Duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 23	Duyệt báo cáo cấp đơn vị
Bước 24	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh tại doanh nghiệp
Bước 25	In báo cáo, xác nhận báo cáo của doanh nghiệp và biên bản kết thúc công việc
Bước 26	Thanh quyết toán
26.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
26.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
26.3	Lưu hồ sơ

**2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ**

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

<b>TT</b>	<b>TÊN TIÊU CHÍ</b>	<b>YÊU CẦU ĐÁP ỨNG</b>	<b>PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA</b>
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định  Có kinh nghiệm hoạt động về tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị  Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ đánh giá sản xuất sạch hơn/sản xuất và tiêu dùng bền vững của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng mô hình kinh doanh xanh để hướng tới phát triển bền vững	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối - dịch vụ” như sau:

**1. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh**

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ (qui mô 30 doanh nghiệp)*

<b>Mã</b>	<b>Thành phần hoa phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức</b>
<b>75.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	126,38
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	8,13
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	126,38
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,48
	Máy điện thoại di động	Ca	15,00
	Máy chiếu	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	7,50
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,59
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	0,33
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**2. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh**

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

<b>Mã</b>	<b>Thành phần hoa phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức</b>
<b>75.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	8,13

<b>Mã</b>	<b>Thành phần hoa phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức</b>
<b>75.02</b>			
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	202,50
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	56,25
<b>2</b>	<b>Định mức máy móc, thiết bị</b>		
	Máy tính để bàn	Ca	120,00
	Máy tính xách tay	Ca	82,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,51
	Máy điện thoại di động	Ca	8,33
	Máy chiếu	Ca	1,33
	Máy ảnh	Ca	2,00
	Ô tô 7 chỗ	Ca	9,18
<b>3</b>	<b>Định mức vật tư</b>		
	Giấy in A4	Ram	7,53
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	1,04
	Pin 9V	Cái	11,00
<b>4</b>	<b>Chi phí gián tiếp</b>	%	21%

**PHỤ LỤC SỐ 76**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối  
“Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC****Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, Chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

#### 3.1. Trường hợp tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức gian hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm:

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức hội chợ được áp dụng đối với quy mô 01 sự kiện hội chợ/chương trình tiêu chuẩn tính định mức là 250 gian hàng tiêu chuẩn: diện tích 9m<sup>2</sup> (3m x 3m), cao 2,5m.

a.1) Trường hợp tăng 50 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng là 1,15.

a.2) Trường hợp giảm 50 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm là 0,85.

a.3) Trường hợp số gian hàng tăng/giảm với bước nhảy khác 50, định mức (Vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng với số gian hàng B.

B: Số gian hàng cần xác định hệ số.

b<sub>1</sub>: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B.

b<sub>2</sub>: Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B.

a<sub>1</sub>: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b<sub>1</sub>.

a<sub>2</sub>: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b<sub>2</sub>.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

b.1) Chi phí gian hàng tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng như sau: diện tích là 9m<sup>2</sup> (3m x 3m), cao 2,5m; Khung gian hàng hợp kim nhôm; 02 đèn chiếu sáng led 60W; 01 ổ điện; Biển gian hàng khung sắt hộp in bạt hiflex; 01 bàn (gồm khăn trải bàn) và 02 ghế có váy quây; 01 sọt đựng rác; Hệ thống điều hòa làm mát (nếu có); Thảm trải sàn; Vách ngăn cadivi khung nhôm; Chi phí năng lượng, nước, vệ sinh, an ninh, PCCC, vận chuyển lắp đặt tháo dỡ.

b.2) Chi phí trang trí làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: in ấn 2.500 m<sup>2</sup> pano, phướn, băng rôn; 50 standy; 02 cổng; 02 khu vực đăng ký; 1.500 m<sup>2</sup> thảm trải sàn; 30 chậu cây cảnh trang trí; các tiểu cảnh trang trí (nếu có), biển chỉ dẫn; hệ thống bụi kệ: 20 chiếc; 01 khu vực checkin; 01 khu đón tiếp đại biểu VIP; nhà tiền chế (nếu có); sàn (nếu có); khung dàn nhôm chịu lực (nếu có); 01 khu vực khai mạc (sân khấu, âm thanh, ánh sáng, màn hình LED, khu vực đại biểu và khách mời với quy mô 200 người, thuê bàn ghế đại biểu (nếu có), chương trình khai mạc); 01 khu trưng bày các sản phẩm tiêu biểu; 01 khu truyền thông (nếu có); 01 khu vực giao thương (nếu có); các hoạt động kết nối giao thương tại sự kiện (nếu có); Chi phí năng lượng, nước, quạt làm mát, an ninh, vệ sinh (nếu có).

b.3) Chi phí tuyên truyền, quảng bá làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 30 tin, bài tuyên truyền trên báo điện tử, trang thông tin điện tử; 20 lượt tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình; in ấn 2.500 bộ form mời, 500 giấy mời, 500 cuốn kỷ yếu (nếu có), 1.000 tờ rơi thông tin chương trình (nếu có), thẻ ban tổ chức, biển tên đại biểu; xây dựng 05 TVC quảng bá các hoạt động của hội chợ đăng trên fanpage, website hội chợ; 01 phóng sự có thời lượng 10 phút.

b.4) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng, tiêu hủy vật tư và các chi phí khác (nếu có).

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3.1, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

### **3.2. Trường hợp tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức hội nghị, hội thảo, diễn đàn kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm:**

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián

tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình hội nghị, hội thảo, diễn đàn. Tiêu chuẩn tính định mức là 01 ngày với quy mô là 100÷250 khách mời tham gia.

Trường hợp tăng/giảm 01 buổi hội nghị, hội thảo, định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng/trừ với hệ số tăng/giảm là 01 công/ca.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức nội dung khu gian hàng trung bày giới thiệu sản phẩm bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức Khu gian hàng được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình, tiêu chuẩn tính định mức là 20 gian hàng tiêu chuẩn: diện tích 9m<sup>2</sup> (3m x 3m), cao 2,5m.

b.1) Trường hợp kích thước gian hàng thực tế khác kích thước gian hàng tiêu chuẩn thì số lượng gian hàng được xác định bằng cách quy đổi tương đương về gian hàng tiêu chuẩn có diện tích 9m<sup>2</sup>.

*Ví dụ: Khu trung bày có diện tích 90m<sup>2</sup> sẽ tương đương 10 gian hàng tiêu chuẩn.*

b.2) Trường hợp tăng 05 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng là 1,05.

b.3) Trường hợp giảm 05 gian hàng, định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm là 0,95.

b.4) Trường hợp số gian hàng tăng/giảm với bước nhảy khác 5, định mức (Vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng với số gian hàng B.

B: Số gian hàng cần xác định hệ số.

b<sub>1</sub>: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B.

b<sub>2</sub>: Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B.

a<sub>1</sub>: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b<sub>1</sub>.

a<sub>2</sub>: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b<sub>2</sub>.

b.5) Trường hợp tổ chức khu gian hàng tại các tỉnh thành phố không thuộc Hà Nội, định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số, cụ thể:

Các tỉnh thành phố miền bắc: Định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số tăng là 2 ca;

Các tỉnh thành phố miền trung: Định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số tăng là 4 ca;

Các tỉnh thành phố miền nam: Định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số tăng là 8 ca.

c) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

c.1) Chi phí gian hàng tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng như sau: diện tích là 9m<sup>2</sup> (3m x 3m), cao 2,5m; Khung gian hàng hợp kim nhôm; 02 đèn chiếu sáng led 60W; 01 ổ điện; Biển gian hàng khung sắt hộp in bạt hiflex; 01 bàn (gồm khăn trải bàn) và 02 ghế có váy quây; 01 sọt đựng rác; Hệ thống điều hòa làm mát (nếu có); Thảm trải sàn; Vách ngăn cadivi khung nhôm; Chi phí năng lượng, nước, vệ sinh, an ninh, PCCC, vận chuyển lắp đặt tháo dỡ.

c.2) Chi phí trang trí làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: in ấn 300 m<sup>2</sup> pano, phướn, băng rôn; 20 standy; 01 cổng; 01 khu vực đăng ký; 01 khu vực checkin; 500 m<sup>2</sup> thảm trải sàn; 10 chậu cây cảnh trang trí; các tiểu cảnh trang trí (nếu có), biển chỉ dẫn; hệ thống bục kệ: 10 chiếc; nhà tiền chế (nếu có); sàn (nếu có); khung dàn nhôm chịu lực (nếu có); 01 khu vực checkin; 01 khu đón tiếp đại biểu VIP; 01 khu vực hội nghị, hội thảo, diễn đàn (sân khấu, âm thanh, ánh sáng, màn hình LED, khu vực đại biểu và khách mời, thuê bàn ghế đại biểu (nếu có), chương trình sự kiện); 01 khu trưng bày các sản phẩm tiêu biểu (nếu có); 01 khu vực giao thương (nếu có); Chi phí năng lượng, nước, quạt làm mát, an ninh, vệ sinh (nếu có).

c.3) Chi phí tuyên truyền, quảng bá làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 15 tin, bài tuyên truyền trên báo điện tử, trang thông tin điện tử; 10 lượt tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình; in ấn 200 bộ form mời, 500 giấy mời, 200 cuốn kỷ yếu (nếu có), thẻ ban tổ chức, biển tên đại biểu; xây dựng 02 TVC quảng bá các hoạt động của hội chợ đăng trên fanpage, website chương trình; 01 phóng sự có thời lượng 10 phút về chương trình.

c.4) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng, diễn giả, tiêu hủy vật tư và các chi phí khác (nếu có).

d) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm c, khoản 3.2, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” thực hiện theo quy trình sau:

**1.1. Trường hợp tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức gian hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm:**

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí tham gia hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”
Bước 3	Xây dựng kế hoạch tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”
3.1	Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu tham gia hội chợ, chương trình
3.2	Phân tích phương án tổ chức hội chợ, chương trình
3.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết
Bước 4	Phê duyệt kế hoạch tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”
Bước 5	Làm việc với các đơn vị liên quan về: Mặt bằng, điện, nước, an ninh trật tự, bảo hiểm, vệ sinh, internet, dịch vụ chung, PCCC và các nội dung khác (nếu có)

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 6	Xây dựng dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của hội chợ, chương trình (nếu có)
Bước 7	Phê duyệt dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của hội chợ, chương trình (nếu có)
Bước 8	Lựa chọn, duyệt đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 9	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục của hội chợ, chương trình
9.1	Chỉ đạo, giám sát công tác khảo sát mặt bằng, công tác thiết kế (tổng thể, chi tiết) các hạng mục của hội chợ, chương trình
9.2	Phê duyệt thiết kế (tổng thể, chi tiết)
Bước 10	Nghiệm thu, thanh toán với đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 11	Trình, duyệt dự toán tổng thể của hội chợ, chương trình (nếu có)
Bước 12	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
12.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
12.2	Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
12.3	Phối hợp, cung cấp thông tin, nội dung quảng bá tuyên truyền
12.4	Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền
12.5	Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền
Bước 13	Thi công dàn dựng các hạng mục của hội chợ, chương trình
13.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị thi công
13.2	Ký hợp đồng với đơn vị thi công
13.3	Giám sát công tác thi công dàn dựng khu gian hàng của hội chợ, chương trình theo thiết kế đã được phê duyệt
13.4	Duyệt công tác thi công các hạng mục của hội chợ, chương trình
Bước 14	Mời, xác nhận các đơn vị tham gia hội chợ, chương trình
14.1	Xây dựng công văn/thư mời/phom mẫu, gửi cho các đơn vị đăng ký tham gia
14.2	Tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký tham gia
14.3	Duyệt danh sách các đơn vị tham gia
14.4	Rà soát, hướng dẫn các đơn vị được duyệt hoàn thiện hồ sơ tham gia hội chợ, chương trình

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
14.5	Sắp xếp vị trí gian hàng; thông báo vị trí gian hàng, nội quy tham gia hội chợ, chương trình cho các đơn vị tham gia
Bước 15	Tổ chức lễ khai mạc hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”
15.1	Xây dựng phân công và kịch bản
-	<i>Lập danh sách khách mời, gửi giấy mời</i>
-	<i>Lên chương trình và kịch bản</i>
-	<i>Xây dựng phân công tổ chức lễ khai mạc</i>
-	<i>Chuẩn bị bài phát biểu khai mạc, dẫn chương trình và các tài liệu khác (nếu có)</i>
15.2	Duyệt phân công tổ chức lễ khai mạc
15.3	Giám sát công tác thi công, dàn dựng, trang trí khu vực khai mạc
15.4	Tổ chức khai mạc hội chợ, chương trình
Bước 16	Duy trì hỗ trợ các hoạt động hội chợ, chương trình
Bước 17	Kết nối giao thương
	Tổ chức các hoạt động kết nối giao thương tại hội chợ, chương trình (nếu có)
Bước 18	Kết thúc hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”
	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, hủy vật tư; bàn giao mặt bằng
Bước 19	Xây dựng báo cáo tổng kết công tác tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” (nếu có)
Bước 20	Phê duyệt báo cáo tổng kết công tác tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” (nếu có)
Bước 21	Thanh quyết toán
21.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị thi công, quảng bá, tuyên truyền
21.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
20.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
20.4	Lưu hồ sơ

**1.2. Trường hợp tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức hội nghị, hội thảo, diễn đàn kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm:**

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí tham gia chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững”
Bước 3	Xây dựng kế hoạch tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững
3.1	Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan đăng ký nhu cầu
3.2	Tổng hợp nhu cầu các đơn vị tham gia chương trình
3.3	Xây dựng kế hoạch tổ chức chương trình
Bước 4	Phê duyệt kế hoạch tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững
Bước 5	Làm việc với các đơn vị liên quan về: Mặt bằng, điện, nước, an ninh trật tự, bảo hiểm, vệ sinh, internet, dịch vụ chung, PCCC và các nội dung khác (nếu có)
Bước 6	Xây dựng dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của chương trình (nếu có)
Bước 7	Phê duyệt dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của chương trình (nếu có)
Bước 8	Lựa chọn, duyệt đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 9	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục của chương trình
9.1	Khảo sát mặt bằng, thiết kế (tổng thể, chi tiết) các hạng mục của chương trình
9.2	Phê duyệt thiết kế (tổng thể, chi tiết)
Bước 10	Nghiệm thu, thanh toán với đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 11	Trình, duyệt dự toán tổng thể tổ chức chương trình (nếu có)
Bước 12	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức chương trình
Bước 13	Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức chương trình
Bước 14	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
14.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
14.2	Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
14.3	Phối hợp, cung cấp thông tin, nội dung quảng bá tuyên truyền
14.4	Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền
14.5	Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền
Bước 15	Chuẩn bị nội dung tổ chức chương trình
15.1	Thuê chuyên gia trình bày tại chương trình (nếu có)
+	<i>Liên hệ mời chuyên gia</i>
+	<i>Xây dựng hợp đồng thuê chuyên gia</i>
+	<i>Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia</i>
+	<i>Kiểm soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia</i>
15.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu của chương trình
15.3	Xây dựng và trình, duyệt giấy mời
15.4	Lập và duyệt danh sách khách mời; gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
15.5	Mời, xác nhận các đơn vị tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm
+	<i>Xây dựng công văn/thư mời/phom mẫu, gửi cho các đơn vị đăng ký tham gia</i>
+	<i>Tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký tham gia</i>
+	<i>Duyệt danh sách các đơn vị tham gia</i>
+	<i>Rà soát, hướng dẫn các đơn vị được duyệt hoàn thiện hồ sơ tham gia trưng bày</i>
+	<i>Sắp xếp vị trí gian hàng; thông báo vị trí gian hàng, nội quy tham gia chương trình cho các đơn vị tham gia</i>
15.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc chương trình
15.7	Giám sát công tác thi công dàn dựng theo thiết kế được phê duyệt
15.8	Duyệt công tác thi công dàn dựng chương trình
Bước 16	Tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững
16.1	Đón tiếp đại biểu, chuyên gia, khách mời
16.2	Tổ chức khai mạc
16.3	Duy trì, điều phối các nội dung của chương trình
16.4	Kết nối giao thương (nếu có)
16.5	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao mặt bằng
Bước 17	Báo cáo kết quả thực hiện (nếu có)

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 18	Thanh quyết toán
18.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
18.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
18.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
18.4	Lưu hồ sơ

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

### 2.1. Tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức gian hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề về tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững	Phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về thiết kế tổng thể hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững	Thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt thiết kế tổng thể của hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững
4	Tiêu chí về quảng bá, tuyên truyền về hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững	<p>Nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ cần phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt.</p> <p>Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền</p> <p>Hình thức quảng bá, tuyên truyền về hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững cần phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh;</li> <li>+ Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp;</li> <li>+ Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).</li> </ul>	<p>Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền về hội chợ trong kế hoạch đã được phê duyệt.</p> <p>Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.</p> <p>Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.</p>

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
5	Tiêu chí về công tác tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững	<p>Các hạng mục được thi công, dàn dựng phù hợp với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt</p> <p>Giấy mời tham dự lễ khai mạc được cấp có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>Danh sách các đơn vị tham gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt</p>	<p>Đối chiếu với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt</p> <p>Kiểm tra tình trạng phê duyệt của giấy mời khai mạc hội chợ</p> <p>Kiểm tra tình trạng phê duyệt của danh sách các đơn vị tham gia</p>
6	Tiêu chí về hồ sơ sản phẩm	<p>Thành phần, số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu của nội dung hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.</p> <p>Hồ sơ tham gia hội chợ của các đơn vị đáp ứng các quy định hiện hành về tham gia hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững</p> <p>Sản phẩm quảng bá, tuyên truyền cần có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền:  + Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí;  + Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình;</p>	<p>Đối chiếu yêu cầu của nội dung hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.</p> <p>Đối chiếu với các quy định về tham gia hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững</p> <p>- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng quảng bá, tuyên truyền hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.  - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.</p>

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		+ Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.	

**2.2. Tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức hội nghị, hội thảo, diễn đàn kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm:**

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về thiết kế tổng thể chương trình	Thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt thiết kế tổng thể của sự kiện

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
4	Tiêu chí về quảng bá, tuyên truyền về chương trình	Nội dung quảng bá, tuyên truyền cần phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.
		Hình thức quảng bá, tuyên truyền về chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững cần phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức: + Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp; + Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.
5	Tiêu chí về nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn	Phù hợp với nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong các chương trình, đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng của hội nghị, hội thảo, diễn đàn	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt.
6	Tiêu chí về công tác tổ chức chương trình	Các hạng mục được thi công, dàn dựng phù hợp với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt	Đối chiếu với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Giấy mời tham dự chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của giấy mời tham dự chương trình
		Danh sách các đơn vị tham gia trưng bày được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của danh sách các đơn vị tham gia
7	Tiêu chí về hồ sơ sản phẩm	Thành phần, số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu của nội dung chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.
		Hồ sơ các đơn vị tham gia trưng bày đáp ứng các yêu cầu: + Hồ sơ đăng ký tham gia (đơn đăng ký + đăng ký kinh doanh) + Hợp đồng tham gia chương trình	Đối chiếu với hồ sơ tham gia trưng bày của các đơn vị
		Có xác nhận của đại biểu tham gia nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đại biểu
		Sản phẩm quảng bá, tuyên truyền cần có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền: + Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí; + Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình; + Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng quảng bá, tuyên truyền chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” như sau:

**3.1. Trường hợp tổ chức hội chợ, chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức gian hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm:**

*Đơn vị tính: 1 chương trình*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức</b>
<b>76.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên bậc 3/9	Công	388,6
	Chuyên viên bậc 5/9	Công	15,0
	Chuyên viên chính bậc 2/8	Công	15,0
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	369,6
	Máy tính xách tay	Ca	28,0
	Máy in A4	Ca	0,9
	Máy chiếu	Ca	2,5
	Điện thoại để bàn	Ca	2,5
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	21
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	4,4
	Mực in đen	Hộp	0,6
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

**3.2. Trường hợp tổ chức chương trình chuỗi kết nối Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững theo hình thức hội nghị, hội thảo, diễn đàn kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm:**

*Đơn vị tính: 1 chương trình*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức</b>
<b>76.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên bậc 3/9	Công	162,75
	Chuyên viên bậc 5/9	Công	17,06
	Chuyên viên chính bậc 2/8	Công	16,75
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	165,0
	Máy tính xách tay	Ca	8,00
	Máy in	Ca	0,63
	Máy chiếu	Ca	2,00
	Điện thoại để bàn	Ca	2,00
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	10,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	3,47
	Mực in đen	Hộp	0,48
	Phong bì khổ A4	Cái	250,00
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

**PHỤ LỤC SỐ 77****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất  
và tiêu dùng bền vững**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện tính cho 01 báo cáo đánh giá và 1 cơ sở dữ liệu, trong đó thông tin được khảo sát thu thập từ 60 tổ chức/đơn vị, phân tích đánh giá về 03 lĩnh vực khác nhau của mỗi đơn vị.

b) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

c) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập đoàn chuyên gia khảo sát, thu thập dữ liệu xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững
Bước 3	Xác định mục đích, yêu cầu, phạm vi điều tra khảo sát
Bước 4	Xây dựng mẫu phiếu khảo sát, điều tra, thu thập dữ liệu

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 5	Tổng hợp, thống kê, xây dựng danh sách các đơn vị khảo sát điều tra phù hợp yêu cầu của nhiệm vụ
Bước 6	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn khảo sát điều tra
Bước 7	Thu thập dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 8	Khảo sát hiện trạng về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững tại các đơn vị
Bước 9	Phân tích dữ liệu thu thập được tại đơn vị
Bước 10	Lọc và tiêu chuẩn hoá dữ liệu thu thập được tại đơn vị
Bước 11	Tổng hợp kết quả phân tích dữ liệu thu thập được tại các đơn vị
Bước 12	Lập báo cáo đánh giá về hiện trạng về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững tại các đơn vị
Bước 13	In báo cáo, duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 14	Duyệt báo cáo cấp đơn vị thực hiện khảo sát
Bước 15	Nhập dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu
Bước 16	Duyệt dữ liệu đã nhập cấp tổ chuyên gia
Bước 17	Lưu trữ và quản lý dữ liệu bằng công cụ, phần mềm chuyên dụng
Bước 18	Thanh quyết toán
18.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
18.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
18.3	Lưu hồ sơ

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		Có kinh nghiệm hoạt động về tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ đánh giá sản xuất sạch hơn/sản xuất và tiêu dùng bền vững của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch hàng năm	Nội dung kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		Nội dung kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
3	Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp được khảo sát	Đơn vị được chọn khảo sát phải phù hợp với kế hoạch nhiệm vụ được giao	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch hàng năm được phê duyệt
4	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững được xây dựng cần đáp ứng các yêu cầu của kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra, đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững” như sau:

*Đơn vị tính: 01 báo cáo đánh giá và 1 cơ sở dữ liệu, thông tin được khảo sát thu thập từ 60 tổ chức/đơn vị, phân tích đánh giá về 03 lĩnh vực khác nhau của mỗi đơn vị.*

<b>Mã</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức</b>
<b>77.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	0,1
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	573,8
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	39,5
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	ca	406,95
	Máy tính xách tay	ca	180
	Máy in A4 đen trắng	ca	0,20
	Ô tô 4 chỗ	ca	30
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	ram	6,21
	Mực in A4 đen trắng	hộp	0,89
4	Chi phí gián tiếp	%	20%

**PHỤ LỤC SỐ 78****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận

vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác tổ chức cho dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô là 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tương ứng với định mức tính là 30 doanh nghiệp (cơ sở).

a) Trường hợp tăng 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k= 1+(2 \times 0,025) = 1,05$ .*

b) Trường hợp giảm 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k= 1-(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ giảm 03 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k = 1-(3 \times 0,025) = 0,925$ .*

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Khảo sát, thu thập nội bộ dữ liệu về hiện trạng quản lý sử dụng nguyên nhiên vật liệu năng lượng, hiện trạng quản lý sản xuất tại các doanh nghiệp
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý sử dụng nguyên nhiên vật liệu năng lượng, hiện trạng quản lý sản xuất tại các doanh nghiệp
Bước 5	Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn
7.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
7.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
Bước 8	Làm việc với cơ sở được lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, hệ thống thiết bị...); Xây dựng và phê duyệt kế hoạch
Bước 9	Họp triển khai tại doanh nghiệp
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp

<b>TT</b>	<b>Quy trình thực hiện dịch vụ</b>
Bước 11	Hợp rà soát dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 12	Khảo sát hiện trạng sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, mô hình kinh doanh, hệ thống phân phối tại doanh nghiệp
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát tại cơ sở
Bước 15	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 16	Đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, mô hình kinh doanh, hệ thống phân phối cho doanh nghiệp
Bước 17	Xác định các nội dung cần triển khai tại doanh nghiệp để triển khai hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho doanh nghiệp
Bước 18	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế các giải pháp để triển khai hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất phù hợp với hiện trạng của doanh nghiệp
Bước 19	Họp thảo luận các giải pháp thực hiện, hướng dẫn các giải pháp thực hiện
Bước 20	Hướng dẫn doanh nghiệp triển khai hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm cho doanh nghiệp
Bước 21	Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật triển khai hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm cho doanh nghiệp
Bước 22	Duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 23	Duyệt báo cáo cấp đơn vị
Bước 24	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm tại doanh nghiệp
Bước 25	In báo cáo, xác nhận báo cáo của doanh nghiệp và biên bản kết thúc công việc
Bước 26	Thanh quyết toán
26.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
26.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
26.3	Lưu hồ sơ

**2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ**

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động về tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ đánh giá sản xuất sạch hơn/sản xuất và tiêu dùng bền vững của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật tiếp cận vòng đời sản phẩm cho các cơ sở sản xuất thuộc khu, cụm công nghiệp cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật tiếp cận vòng đời sản phẩm cho các cơ sở sản xuất thuộc khu, cụm công nghiệp có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	- Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ kỹ thuật tiếp cận vòng đời sản phẩm cho các cơ sở sản xuất thuộc khu, cụm công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	- Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		- Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	- Cơ sở được hỗ trợ cam kết về việc sẽ áp dụng phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp” như sau:

**1. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất**

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ (30 doanh nghiệp)*

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>78.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	57,38
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	8,13
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	62,88
	Máy tính xách tay	Ca	1,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,48

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>78.01</b>			
	Máy điện thoại di động	Ca	6,00
	Máy chiếu	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	2,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,59
	Mực in A4 đen	Hộp	0,33
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**2. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất**

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>78.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	8,13
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	202,50
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	56,25
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	120,00
	Máy tính xách tay	Ca	82,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,51
	Máy điện thoại di động	Ca	5,83
	Máy chiếu	Ca	1,33
	Máy ảnh	Ca	1,00
	Ô tô 4 chỗ	Ca	12,50
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	7,53
	Mực in A4 đen	Hộp	1,04
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**PHỤ LỤC SỐ 79****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

---

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện

hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác tổ chức cho dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô là 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tương ứng với định mức tính là 30 doanh nghiệp (cơ sở).

a) Trường hợp quy mô tăng 01 doanh nghiệp để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$ .*

b) Trường hợp quy mô giảm 01 doanh nghiệp để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ giảm 03 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(3 \times 0,025) = 0,925$ .*

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Khảo sát, thu thập nội bộ dữ liệu về hiện trạng triển khai thực hành giảm thiểu tái chế tại các doanh nghiệp
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng thực hành giảm thiểu tái chế tại các doanh nghiệp
Bước 5	Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn
7.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
7.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
Bước 8	Làm việc với cơ sở được lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, hệ thống thiết bị...); Xây dựng và phê duyệt kế hoạch
Bước 9	Họp triển khai tại doanh nghiệp
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 11	Hợp rà soát dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 12	Khảo sát hiện trạng sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, hiện trạng thực hành giảm thiểu tái chế tại doanh nghiệp
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát tại cơ sở
Bước 15	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 16	Đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, hiện trạng thực hành giảm thiểu tái chế cho doanh nghiệp
Bước 17	Xác định các nội dung cần triển khai tại doanh nghiệp để triển khai hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế cho doanh nghiệp
Bước 18	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế các giải pháp để triển khai hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế phù hợp với hiện trạng của doanh nghiệp
Bước 19	Họp thảo luận các giải pháp thực hiện, hướng dẫn các giải pháp thực hiện
Bước 20	Hướng dẫn doanh nghiệp triển khai thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế cho doanh nghiệp
Bước 21	Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế cho doanh nghiệp
Bước 22	Duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 23	Duyệt báo cáo cấp đơn vị
Bước 24	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế tại doanh nghiệp
Bước 25	In báo cáo, xác nhận báo cáo của doanh nghiệp và biên bản kết thúc công việc
Bước 26	Thanh quyết toán
26.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
26.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
26.3	Lưu hồ sơ

**2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ**

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động về tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ đánh giá sản xuất sạch hơn/sản xuất và tiêu dùng bền vững của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình tái chế, tái sử dụng, nhiên liệu dụng cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình tái chế, tái sử dụng, nhiên liệu dụng có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	- Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình tái chế, tái sử dụng, nhiên liệu dụng phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	- Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của doanh nghiệp được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		- Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của doanh nghiệp được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của doanh nghiệp được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	- Cơ sở được hỗ trợ cam kết về việc sẽ áp dụng mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của doanh nghiệp được hỗ trợ

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ” như sau:

**1. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải**

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ (qui mô 30 doanh nghiệp)*

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
<b>79.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	126,38
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	8,13
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	126,38
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,48

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
<b>79.01</b>			
	Máy điện thoại di động	Ca	15,00
	Máy chiếu	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	7,50
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,59
	Mực in A4 đen	Hộp	0,33
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**2. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải**

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức
<b>79.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	8,13
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	202,50
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	56,25
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	120,00
	Máy tính xách tay	Ca	82,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,51
	Máy điện thoại di động	Ca	8,33
	Máy chiếu	Ca	1,33
	Máy ảnh	Ca	2,00
	Ô tô 4 chỗ	Ca	9,18
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	7,53
	Mực in A4 đen	Hộp	1,04
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**PHỤ LỤC SỐ 80****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ  
trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho  
các doanh nghiệp sản xuất và phân phối**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

---

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, Chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 doanh nghiệp.

c) Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

d) Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm b, khoản 3, phần I của phục lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập đoàn chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp, quyết định phê duyệt danh sách đoàn chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp
Bước 3	Khảo sát, thu thập dữ liệu về hiện trạng về công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng tại các doanh nghiệp
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp
Bước 5	Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý đáp ứng nhiệm vụ được giao

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 6	Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn
Bước 8	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai tại các doanh nghiệp được lựa chọn
Bước 9	Họp khai mạc tại doanh nghiệp
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 12	Khảo sát quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất tại doanh nghiệp
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Đánh giá chi tiết hiện trạng áp dụng công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho doanh nghiệp
Bước 15	Xác định các nội dung cần triển khai tại doanh nghiệp để xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho doanh nghiệp
Bước 16	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế các giải pháp để xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững phù hợp với hiện trạng của doanh nghiệp
Bước 17	Họp thảo luận các giải pháp thực hiện, hướng dẫn các giải pháp thực hiện
Bước 18	Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp về triển khai ứng dụng công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho doanh nghiệp
Bước 19	Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho doanh nghiệp
Bước 20	Duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 21	Duyệt báo cáo cấp đơn vị
Bước 22	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững tại doanh nghiệp
Bước 23	In báo cáo, xác nhận báo cáo của doanh nghiệp và biên bản kết thúc công việc
Bước 24	Thanh quyết toán
24.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
24.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
24.3	Lưu hồ sơ

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý đề áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ quản lý, hệ thống quản lý cho các doanh nghiệp.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chúng chỉ liên quan đến công cụ/hệ thống quản lý của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý cần có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý	Danh sách các doanh nghiệp được lựa chọn hỗ trợ phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
4	Tiêu chí về thực hiện xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý cho doanh nghiệp	Nội dung thực hiện cần đánh giá được thực trạng doanh nghiệp và đề xuất giải pháp xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp	Đối chiếu với xác nhận của doanh nghiệp được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của doanh nghiệp được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của doanh nghiệp được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Doanh nghiệp được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng công cụ đã được xây dựng	Kiểm tra, đối chiếu xác nhận của doanh nghiệp được hỗ trợ

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối” như sau:

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>80.00</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên chính A2.1 bậc 2/8	Công	0,53
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	4,10
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	86,13
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	332,78
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	223,08
	Máy tính xách tay	Ca	198,93
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,55
	Máy chiếu	Ca	5,52
	Ô tô 4 chỗ	Ca	42,43
	Máy ảnh	Ca	3,00
	Máy điện thoại di động	Ca	42,43
3	Định mức vật tư		-
	Giấy in A4	Ram	16,64
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	1,849
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**PHỤ LỤC SỐ 81****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn  
cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại,  
dịch vụ trong lĩnh vực công thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

---

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực

công thương”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, Chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn tính định mức là 30 cơ sở (30 doanh nghiệp/đơn vị/cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương).

a) Trường hợp tăng 01 cơ sở sản xuất công nghiệp/cơ sở kinh doanh thương mại/dịch vụ để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$ .*

b) Trường hợp giảm 01 cơ sở sản xuất công nghiệp/cơ sở kinh doanh thương mại/dịch vụ để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k=1 - (1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ giảm 03 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(3 \times 0,025) = 0,925$ .*

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thực hiện đánh giá sản xuất sạch hơn bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện cho 01 cơ sở (01 doanh nghiệp/01 đơn vị/cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương).

3.3. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.4. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.3. khoản 3, phần I của phức lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu/nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn
1.1	Tiếp nhận kế hoạch về sản xuất sạch hơn và giao cho bộ phận chuyên môn thực hiện
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập đoàn chuyên gia đánh giá sản xuất sạch hơn (gọi tắt là SXSH)
Bước 3	Khảo sát, thu thập dữ liệu về hiện trạng về quản lý sản xuất và sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu của các cơ sở
Bước 5	Lựa chọn danh sách các cơ sở thực hiện đánh giá SXSH đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các cơ sở thực hiện đánh giá SXSH
Bước 7	Làm việc với cơ sở được lựa chọn về nội dung công việc sẽ triển khai
Bước 8	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch đánh giá SXSH cho các cơ sở
Bước 9	Giới thiệu chương trình đánh giá SXSH tại cơ sở

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 11	Hợp rà soát dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 12	Khảo sát hiện trạng tổ chức, quản lý, quy trình sản xuất, thiết bị và các vấn đề môi trường của đơn vị, dự thảo kết quả khảo sát
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Thực hiện đo kiểm chi tiết tại cơ sở
Bước 15	Họp đoàn khảo sát rà soát kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 16	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát, đo kiểm tại cơ sở
Bước 17	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 18	Tổng hợp, phân tích các kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 19	Họp thảo luận kết quả phân tích dữ liệu thu thập
Bước 20	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật các giải pháp quản lý
Bước 21	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật các giải pháp kỹ thuật
Bước 22	Họp thảo luận kết quả phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật
Bước 23	Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá SXSH
Bước 24	Duyệt báo cáo đánh giá SXSH cấp tổ chuyên gia
Bước 25	Xác nhận báo cáo đánh giá SXSH cấp đơn vị
Bước 26	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả đánh giá SXSH với cơ sở được hỗ trợ
Bước 27	In báo cáo, xác nhận báo cáo với cơ sở được hỗ trợ và biên bản kết thúc công việc
Bước 28	Thanh quyết toán
28.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
28.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
28.3	Lưu hồ sơ

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực sản xuất và tiêu dung bền vững theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ đánh giá sản xuất sạch hơn của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
		Có trang thiết bị chuyên dụng thực hiện đo kiểm hiện trạng áp dụng sản xuất sạch hơn	Đối chiếu hồ sơ trang thiết bị của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch đánh giá sản xuất sạch hơn cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dung bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch đánh giá sản xuất sạch hơn có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn đơn vị được hỗ trợ kỹ thuật	Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ thực hiện đánh giá sản xuất sạch hơn phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	Nội dung cần đánh giá được hiện trạng của cơ sở và đề xuất được các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên nhiên vật liệu, năng lượng cho cơ sở được hỗ trợ	Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng giải pháp đã trình bày trong báo cáo	Kiểm tra, đối chiếu xác nhận của cơ sở được hỗ trợ

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Tổ chức hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>81.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	5,500
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	22,000
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	14,000
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	195,500
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	141,000
	Máy tính xách tay	Ca	90,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,021
	Máy chiếu	Ca	0,500
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,000
	Máy điện thoại di động	Ca	15,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,66
	Mực in A4 đen	Hộp	0,073
	Pin 9v	Cái	
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Thực hiện đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương

*Đơn vị tính: 01 cơ sở*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>81.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	0,500
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	2,500
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	33,000
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	109,500
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	83,750
	Máy tính xách tay	Ca	60,500
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,271
	Máy chiếu	Ca	2,000
	Ô tô 7 chỗ	Ca	10,500
	Bộ máy đo chuyên dụng (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	3,000
	Máy ảnh kỹ thuật số	Ca	3,000
	Máy điện thoại di động	Ca	10,500
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	8,33
	Mực in A4 đen	Hộp	0,926
	Pin 9v	Cái	10
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

Ghi chú: Bộ máy đo chuyên dụng gồm danh sách các máy đo như sau:

- + Đồng hồ ampe kìm
- + Đồng hồ đa năng
- + Thiết bị phân tích điện năng
- + Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại
- + Thiết bị đo độ rọi lux kế (độ chiếu sáng)
- + Đo nồng độ CO<sub>2</sub>
- + Máy phân tích khí thải
- + Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió
- + Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm
- + Máy chụp hình Hồng ngoại
- + Máy đo cách nhiệt SHGC

**PHỤ LỤC SỐ 82****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh,  
kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

---

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### 3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác tổ chức cho dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô là 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tương ứng với định mức tính là 30 doanh nghiệp (cơ sở).

a) Trường hợp tăng 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k= 1+(2 \times 0,025) = 1,05$ .*

b) Trường hợp giảm 01 cơ sở để thực hiện thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k= 1-(1 \times 0,025)$ .

*Ví dụ giảm 03 cơ sở thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k = 1-(3 \times 0,025) = 0,925$ .*

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

### 1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Khảo sát, thu thập nội bộ dữ liệu về hiện trạng về mô hình kinh doanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững tại các doanh nghiệp
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng mô hình kinh doanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững tại các doanh nghiệp
Bước 5	Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện triển khai mô hình kinh doanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững tại các doanh nghiệp đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện triển khai mô hình kinh doanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững tại các doanh nghiệp đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn
7.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
7.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
Bước 8	Làm việc với cơ sở được lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, hệ thống thiết bị...); Xây dựng và phê duyệt kế hoạch
Bước 9	Họp triển khai tại doanh nghiệp
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 12	Khảo sát quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, mô hình kinh doanh, khả năng kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững tại doanh nghiệp
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát tại cơ sở

<b>TT</b>	<b>Quy trình thực hiện dịch vụ</b>
Bước 15	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 16	Đánh giá chi tiết hiện trạng mô hình kinh doanh, khả năng kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững của doanh nghiệp
Bước 17	Xác định các nội dung cần triển khai tại doanh nghiệp để triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững
Bước 18	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế các giải pháp để triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững của doanh nghiệp
Bước 19	Họp thảo luận các giải pháp thực hiện, hướng dẫn các giải pháp thực hiện
Bước 20	Hướng dẫn doanh nghiệp triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững cho doanh nghiệp
Bước 21	Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững cho doanh nghiệp
Bước 22	Duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 23	Duyệt báo cáo cấp đơn vị
Bước 24	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho doanh nghiệp, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững cho doanh nghiệp
Bước 25	In báo cáo, xác nhận báo cáo của doanh nghiệp và biên bản kết thúc công việc
Bước 26	Thanh quyết toán
26.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
26.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
26.3	Lưu hồ sơ

## **2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ**

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động về tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ đánh giá sản xuất sạch hơn/sản xuất và tiêu dùng bền vững của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững đã được phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	- Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch hàng năm được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	- Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		- Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	- Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng mô hình kinh doanh xanh để hướng tới phát triển bền vững	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững” như sau:

3.1. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ (quy mô 30 doanh nghiệp)*

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>82.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	6,25
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	126,38
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	8,13
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	126,38
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,48
	Máy điện thoại di động	Ca	15,00
	Máy chiếu	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	7,50
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,59
	Mực in A4 đen	Hộp	0,33
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

3.2. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

<b>Mã</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức</b>
<b>82.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	8,13
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	221,25
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	57,50
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	122,50
	Máy tính xách tay	Ca	98,75
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,51
	Máy điện thoại di động	Ca	12,50
	Máy chiếu	Ca	2,00
	Máy ảnh	Ca	3,00
	Ô tô 4 chỗ	Ca	8,75
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	7,53
	Mực in A4 đen	Hộp	1,04
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**PHỤ LỤC SỐ 83****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Hà Nội, 2025**

---

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

**II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh:**

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

#### **1.2. Đối tượng áp dụng:**

##### **a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

### **2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ”.

#### **2.1. Định mức lao động**

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

## **2.2. Định mức máy móc, thiết bị**

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

## **2.3. Định mức vật tư**

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

## **2.4. Chi phí gián tiếp**

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh

thương mại và trong ngành dịch vụ”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, Chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

### **3. Áp dụng định mức**

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ kỹ thuật tính định mức là 30 cơ sở (30 doanh nghiệp/đơn vị/cơ sở thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ).

a) Trường hợp tăng 01 doanh nghiệp thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(N \times 0,025)$ .

*Ví dụ nếu tăng 02 doanh nghiệp ( $N=2$ ) thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là  $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$ .*

b) Trường hợp giảm 01 doanh nghiệp thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k=1 - (N \times 0,025)$ .

*Ví dụ giảm 03 doanh nghiệp ( $N=3$ ) thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là  $k=1-(3 \times 0,025) = 0,925$ .*

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật Đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa và các quy định hiện hành khác có liên quan.

## **II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

### **1. Quy trình thực hiện dịch vụ**

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ” thực hiện theo quy trình sau:

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp, quyết định phê duyệt danh sách đoàn chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp
Bước 3	Khảo sát, thu thập dữ liệu về hiện trạng triển khai thực hành giảm thiểu tái chế tại các doanh nghiệp
Bước 4	Phân tích hiện trạng thực hành giảm thiểu tái chế tại các doanh nghiệp
Bước 5	Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn
Bước 8	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai tại các doanh nghiệp được lựa chọn
Bước 9	Họp khai mạc tại doanh nghiệp
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại doanh nghiệp
Bước 12	Khảo sát hiện trạng sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, hiện trạng thực hành giảm thiểu tái chế đáp tại doanh nghiệp

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, quy mô, hiện trạng, bộ máy quản lý sản xuất, quy trình sản xuất, hiện trạng thực hành giảm thiểu tái chế đáp cho doanh nghiệp
Bước 15	Xác định các nội dung cần triển khai tại doanh nghiệp để triển khai hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế cho doanh nghiệp
Bước 16	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế các giải pháp để triển khai hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế phù hợp với hiện trạng của doanh nghiệp
Bước 17	Họp thảo luận các giải pháp thực hiện, hướng dẫn các giải pháp thực hiện
Bước 18	Hướng dẫn doanh nghiệp về triển khai thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế cho doanh nghiệp
Bước 19	Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế cho doanh nghiệp
Bước 20	Duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 21	Duyệt báo cáo cấp đơn vị
Bước 22	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế tại doanh nghiệp
Bước 23	In báo cáo, xác nhận báo cáo của doanh nghiệp và biên bản kết thúc công việc
Bước 24	Thanh quyết toán
24.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
24.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
24.3	Lưu hồ sơ

## 2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực xây dựng mô hình thực hành giảm thiểu tái chế theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ đối với lĩnh vực liên quan của cấp có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung phù hợp với kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ kỹ thuật thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng, thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ.	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ” như sau:

**1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Tổ chức Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ:**

*Đơn vị tính: 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
<b>83.01</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	8,45
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	8,45
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	189,8
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	137,8
	Máy tính xách tay	Ca	68,9

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Máy in	Ca	0,81
	Máy điện thoại di động	Ca	1,3
	Máy chiếu	Ca	1,3
	Ô tô 07 chỗ	Ca	3
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	3,3
	Mực in	Hộp	0,47
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

**2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ**

*Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp*

Mã	Thành phần hoa phí	Đơn vị tính	Định mức
<b>83.02</b>			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	9,10
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	226,80
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	63,00
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	134,40
	Máy tính xách tay	Ca	92,40
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,51
	Máy điện thoại di động	Ca	8,75
	Máy chiếu	Ca	1,50
	Máy ảnh	Ca	2,00
	Ô tô 4 chỗ	Ca	8,75
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	7,53
	Mực in A4 đen	Hộp	1,04
4	Chi phí gián tiếp	%	21%